

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/HNGĐ-ST
Ngày 25/5/2023
V/v: *Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Sang và bà Vũ Thị Dinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18a/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14a/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1982.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1982.

Đều trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh B.

(Anh T có mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, chị Bùi Thị H1 trình bày:

Chị và anh T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 03/02/2006 tại UBND xã X (nay là xã D), huyện T, tỉnh B, sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống và làm ăn tại địa phương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, chị đã ra ngoài thuê nhà để sinh sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Khánh H2, sinh ngày 11/12/2006 và Nguyễn Huyền T2, sinh ngày 06/11/2009, hiện các con chung đang sống cùng chị, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T1 xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Đức T1 trình bày: Anh và chị H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 03/02/2006 tại UBND xã X (nay là xã D), huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và làm việc tại địa phương. Trong quá trình chung sống, chị H1 thường chửi bới bà ngoại anh và bố mẹ đẻ anh sau đó vợ chồng đánh chửi nhau. Anh và gia đình cũng đã nín nhịn để nín giữ tình cảm vợ chồng anh nhưng chị H1 vẫn cương quyết xin ly hôn. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, nay chị H1 xin ly hôn anh không đồng ý vì các con anh còn nhỏ, trường hợp chị H1 cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị H1 có 02 con chung là Nguyễn Khánh H2, sinh ngày 11/12/2006 và Nguyễn Huyền T2, sinh ngày 06/11/2009, hiện các con chung đang sống cùng chị H1, nếu ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 21/3/2023, UBND xã D cung cấp: Chị H1 và anh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X (nay là xã D) ngày 03/02/2006. Vợ chồng anh chị chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 nhiều lần đánh, đuổi chị H1. Phía cơ sở thôn và địa phương đã nhắc nhở anh T1, hiện nay chị H1 đã thuê nhà ra ở riêng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/3/2023, mẹ đẻ anh T1 – Bà Phạm Thị M cung cấp: Chị H1 và anh T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2006. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà của bà, đến năm 2018 thì anh chị ra ở riêng. Khi anh chị ra ở riêng thì mới phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh chị cũng nhiều lần va chạm, đánh nhau và đã được gia đình khuyên bảo, động viên, thôn xóm, xã nhắc nhở nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Bùi Thị H1 được ly hôn anh Nguyễn Đức T1. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Khánh H2, sinh ngày 11/12/2006 và Nguyễn Huyền T2, sinh ngày 06/11/2009 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị H1 không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện cần chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự xác định không không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

Do vụ án không hòa giải được nên phải đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị H1 và anh T1 là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống, chị H1 và anh T1 đều xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài dẫn đến hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Mặc dù anh T1 không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn hôn nhân. Do đó, mặc dù anh T1 không đồng ý ly hôn nhưng tình trạng hôn nhân của anh chị H1 và anh T1 đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được nên cần xử cho chị H1 được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H1 và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Khánh H2, sinh ngày 11/12/2006 và Nguyễn Huyền T2, sinh ngày 06/11/2009. Xét thấy, chị H1 và anh T1 đều có nguyện vọng giao con chung cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, cả hai con chung cũng có nguyện vọng được ở cùng chị H1 vì vậy cần giao cả hai con chung cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, chị H1 không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện, cần chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị H1 và anh T1 không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H1 ly hôn anh Nguyễn Đức T1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Khánh H2, sinh ngày 11/12/2006 và Nguyễn Huyền T2, sinh ngày 06/11/2009 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị, chị H1 không yêu cầu anh Triệu phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh T1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Chị H1 và anh T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H1 đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004313 ngày 29/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T1 có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được

niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy.
- THADS huyện Thái Thụy.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- UBND xã D
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương